

Số: /TBHH-CVHHHT

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của Vùng quay tàu, vùng nước đậu tàu, vùng nước trước các bến và vùng nước kênh tàu dịch vụ Bến cảng Sơn Dương

Vùng biển: Hà Tĩnh.

Tên luồng: Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Sơn Dương

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 2510084/CV-FHS ngày 10/10/2025 của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh về thông số kỹ thuật của vùng quay tàu, vùng đậu tàu, vùng nước trước các bến và vùng nước kênh tàu dịch vụ Bến cảng Sơn Dương – Hà Tĩnh;

Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh thông báo về thông số kỹ thuật của vùng quay tàu, vùng đậu tàu, vùng nước trước các bến và vùng nước kênh tàu dịch vụ Bến cảng Sơn Dương như sau:

1. Vùng quay tàu:

Trong phạm vi vùng quay tàu bán kính quay trở 450m, tâm vùng quay có toạ độ:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
18°03'40.3"	106°26'41.6"	18°03'36.7"	106°26'48.3"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 20,1m (hai mươi mét một).

2. Vùng nước đậu tàu:

2.1. Bến W1

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có toạ độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W1-1	18°03'05.3"	106°26'19.1"	18°03'01.7"	106°26'25.8"
W1-2	18°03'04.6"	106°26'17.6"	18°03'01.0"	106°26'24.3"
W1-3	18°03'12.1"	106°26'13.6"	18°03'08.5"	106°26'20.3"
W1-4	18°03'12.9"	106°26'15.1"	18°03'09.2"	106°26'21.8"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,2m (mười bốn mét hai).

Lưu ý: Điểm cạn từ điểm W1-2 về phía W1-3, cách điểm W1-2 khoảng 20m, cách mép cảng W1-2, W1-3 khoảng 10m, có độ sâu 14,0m.

2.2. Bến W2:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W1-3	18°03'12.1"	106°26'13.6"	18°03'08.5"	106°26'20.3"
W1-4	18°03'12.9"	106°26'15.1"	18°03'09.2"	106°26'21.8"
W3-1	18°03'19.2"	106°26'09.9"	18°03'15.6"	106°26'16.6"
W3-2	18°03'20.0"	106°26'11.4"	18°03'16.4"	106°26'18.1"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,3m (mười bốn mét ba).

2.3 Vùng nước đậu tàu bến W3:

Trong phạm vi vùng nước đậu tàu được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W3-1	18°03'19.2"	106°26'09.9"	18°03'15.6"	106°26'16.6"
W3-2	18°03'20.0"	106°26'11.4"	18°03'16.4"	106°26'18.1"
W3-3	18°03'26.5"	106°26'08.0"	18°03'22.9"	106°26'14.6"
W3-4	18°03'25.8"	106°26'06.4"	18°03'22.1"	106°26'13.1"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,3m (mười bốn mét ba).

2.4 Vùng nước đậu tàu bến W4:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W4-1	18°03'27.5"	106°26'06.3"	18°03'23.9"	106°26'12.9"
W4-2	18°03'26.0"	106°26'07.0"	18°03'22.4"	106°26'13.7"
W5-4	18°03'28.3"	106°26'11.7"	18°03'24.7"	106°26'18.4"
W5-1	18°03'29.8"	106°26'11.0"	18°03'26.2"	106°26'17.7"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,4m (mười bốn mét tư).

2.5 Vùng nước đậu tàu bến W5:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W5-1	18°03'29.8"	106°26'11.0"	18°03'26.2"	106°26'17.7"
W5-2	18°03'32.1"	106°26'15.7"	18°03'28.4"	106°26'22.4"
W5-3	18°03'30.6"	106°26'16.5"	18°03'27.0"	106°26'23.1"
W5-4	18°03'28.3"	106°26'11.7"	18°03'24.7"	106°26'18.4"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,4 (mười bốn mét tư).

2.6 Bến W6:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-1	18°03'37.8"	106°26'06.8"	18°03'34.2"	106°26'13.5"
W6-2	18°03'39.3"	106°26'06.0"	18°03'35.6"	106°26'12.7"

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-3	18°03'41.5"	106°26'10.7"	18°03'37.9"	106°26'17.4"
W6-4	18°03'40.1"	106°26'11.5"	18°03'36.4"	106°26'18.1"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 9,9m (chín mét chín).

2.7. Bến W7:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-1	18°03'37.8"	106°26'06.8"	18°03'34.2"	106°26'13.5"
W6-2	18°03'39.3"	106°26'06.0"	18°03'35.6"	106°26'12.7"
W8-3	18°03'37.4"	106°26'02.2"	18°03'33.8"	106°26'08.9"
W8-2	18°03'36.0"	106°26'03.0"	18°03'32.4"	106°26'09.6"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,0m (mười mét không).

2.8. Bến W8:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W8-1	18°03'35.2"	106°26'01.4"	18°03'31.6"	106°26'08.1"
W8-2	18°03'36.0"	106°26'03.0"	18°03'32.4"	106°26'09.6"
W9-1	18°03'40.3"	106°25'58.8"	18°03'36.7"	106°26'05.4"
W9-2	18°03'41.0"	106°26'00.3"	18°03'37.4"	106°26'06.9"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 9,8m (chín mét tám).

2.9. Bến W9:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A1	18°03'44.8"	106°25'56.4"	18°03'41.2"	106°26'03.1"
A2	18°03'45.5"	106°25'57.9"	18°03'41.9"	106°26'04.6"
W9-1	18°03'40.3"	106°25'58.8"	18°03'36.7"	106°26'05.4"
W9-2	18°03'41.0"	106°26'00.3"	18°03'37.4"	106°26'06.9"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 9,8m (chín mét tám).

2.10. Bến W10:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A1	18°03'44.8"	106°25'56.4"	18°03'41.2"	106°26'03.1"
A2	18°03'45.5"	106°25'57.9"	18°03'41.9"	106°26'04.6"
A3	18°03'50.0"	106°25'55.5"	18°03'46.4"	106°26'02.2"
A4	18°03'49.3"	106°25'54.0"	18°03'45.7"	106°26'00.7"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 9,8m (chín mét tám).

2.11. Bến S1:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
S1-1	18°03'06.2"	106°26'21.0"	18°03'02.6"	106°26'27.7"
S1-2	18°03'07.7"	106°26'20.2"	18°03'04.1"	106°26'26.9"
S2-2	18°03'13.0"	106°26'31.3"	18°03'09.4"	106°26'38.0"
S2-1	18°03'11.5"	106°26'32.0"	18°03'07.9"	106°26'38.7"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 20,3m (hai mươi mét ba).

2.12. Bền S2:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
S2-1	18°03'11.5"	106°26'32.0"	18°03'07.9"	106°26'38.7"
S2-2	18°03'13.0"	106°26'31.3"	18°03'09.4"	106°26'38.0"
S2-3	18°03'18.3"	106°26'42.4"	18°03'14.7"	106°26'49.1"
S2-4	18°03'16.9"	106°26'43.1"	18°03'13.3"	106°26'49.8"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 20,0m (hai mươi mét không).

2.13. Bền S3:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
S3-1	18°03'23.0"	106°26'55.7"	18°03'19.4"	106°27'02.4"
S3-2	18°03'24.4"	106°26'55.0"	18°03'20.8"	106°27'01.6"
S2-3	18°03'18.3"	106°26'42.4"	18°03'14.7"	106°26'49.1"
S2-4	18°03'16.9"	106°26'43.1"	18°03'13.3"	106°26'49.8"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 20,8m (hai mươi mét tám).

2.12. Bền A1:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A1-1	18°03'35.0"	106°26'14.1"	18°03'31.4"	106°26'20.8"
A1-2	18°03'32.8"	106°26'09.4"	18°03'29.1"	106°26'16.0"
A1-3	18°03'33.6"	106°26'08.9"	18°03'30.0"	106°26'15.6"
A1-4	18°03'35.9"	106°26'13.7"	18°03'32.2"	106°26'20.4"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,6m (mười mét sáu).

Lưu ý: Dài cạn khu vực giữa tuyến mép bến có độ sâu từ 10,1m đến 10,5m có chiều dài khoảng 15m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 2m.

2.13. Bến A2:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A2-1	18°03'36.3"	106°26'13.5"	18°03'32.7"	106°26'20.2"
A2-2	18°03'34.0"	106°26'08.8"	18°03'30.4"	106°26'15.4"
A2-3	18°03'34.8"	106°26'08.3"	18°03'31.2"	106°26'15.0"
A2-4	18°03'37.1"	106°26'13.1"	18°03'33.5"	106°26'19.7"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,6m (mười mét sáu).

2.14. Bến N2:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N2-1	18°04'01.7"	106°26'06.9"	18°03'58.1"	106°26'13.6"
N2-2	18°04'00.3"	106°26'07.7"	18°03'56.6"	106°26'14.4"
N2-3	18°03'58.0"	106°26'03.0"	18°03'54.4"	106°26'09.7"
N2-4	18°03'59.4"	106°26'02.2"	18°03'55.8"	106°26'08.9"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 9,8m (chín mét tám).

3. Vùng nước trước các bến S1, S2, S3 đến vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
VQ2	18°03'35.7"	106°26'27.1"	18°03'32.1"	106°26'33.8"
W3-6	18°03'31.3"	106°26'17.9"	18°03'27.7"	106°26'24.6"
W3-5	18°03'22.7"	106°26'17.0"	18°03'19.1"	106°26'23.7"
W1-5	18°03'14.2"	106°26'18.0"	18°03'10.6"	106°26'24.7"
S1-2	18°03'07.7"	106°26'20.2"	18°03'04.1"	106°26'26.9"
S3-3	18°03'26.6"	106°26'59.5"	18°03'23.0"	106°27'06.2"
VQ3	18°03'34.2"	106°26'55.5"	18°03'30.6"	106°27'02.2"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 19,7m (mười chín mét bảy).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 19.4m đến 19.6m tại khu vực S3-3 khoảng 30m và kéo dài về phía điểm VQ3 khoảng 35m, lấn vào vùng nước khoảng 15m.

4. Vùng nước trước các bến W1, W2, W3, W4, W5 đến vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W1-1	18°03'05.3"	106°26'19.1"	18°03'01.7"	106°26'25.8"
W3-3	18°03'26.5"	106°26'08.0"	18°03'22.9"	106°26'14.6"
W3-6	18°03'31.3"	106°26'17.9"	18°03'27.7"	106°26'24.6"
W3-5	18°03'22.7"	106°26'17.0"	18°03'19.1"	106°26'23.7"
W1-5	18°03'14.2"	106°26'18.0"	18°03'10.6"	106°26'24.7"
S1-1	18°03'06.2"	106°26'21.0"	18°03'02.6"	106°26'27.7"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,1m (mười bốn mét một).

5. Vùng nước các bến A1, A2 đến vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-4	18°03'40.1"	106°26'11.5"	18°03'36.4"	106°26'18.1"
W6-5	18°03'40.0"	106°26'26.3"	18°03'36.4"	106°26'33.0"
VQ2	18°03'35.7"	106°26'27.1"	18°03'32.1"	106°26'33.8"
W5-3	18°03'30.6"	106°26'16.5"	18°03'27.0"	106°26'23.1"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,0m (mười mét không).

6. Vùng nước trước các bến W6, W7, W8, W9, W10, N2 đến vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-6	18°03'48.2"	106°26'28.7"	18°03'44.5"	106°26'35.4"
N2-2	18°04'00.3"	106°26'07.7"	18°03'56.6"	106°26'14.4"
N2-3	18°03'58.0"	106°26'03.0"	18°03'54.4"	106°26'09.7"
A6	18°03'51.9"	106°25'59.4"	18°03'48.3"	106°26'06.0"
A3	18°03'50.0"	106°25'55.5"	18°03'46.4"	106°26'02.2"
W8-3	18°03'37.4"	106°26'02.2"	18°03'33.8"	106°26'08.9"
W6-3	18°03'41.5"	106°26'10.7"	18°03'37.9"	106°26'17.4"
W6-4	18°03'40.1"	106°26'11.5"	18°03'36.4"	106°26'18.1"
W6-5	18°03'40.0"	106°26'26.3"	18°03'36.4"	106°26'33.0"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 9,5m (chín mét năm).

7. Vùng nước kênh tàu dịch vụ:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
T14	18°03'50.2"	106°25'53.5"	18°03'46.6"	106°26'00.2"
T27	18°03'48.9"	106°25'50.8"	18°03'45.3"	106°25'57.5"
T28	18°03'44.2"	106°25'53.3"	18°03'40.6"	106°26'00.0"
T29	18°03'42.1"	106°25'49.0"	18°03'38.5"	106°25'55.7"
T30	18°03'50.9"	106°25'44.4"	18°03'47.2"	106°25'51.1"
T31	18°03'53.9"	106°25'50.8"	18°03'50.3"	106°25'57.4"
T32	18°03'52.0"	106°25'51.7"	18°03'48.4"	106°25'58.4"
T33	18°03'52.4"	106°25'52.4"	18°03'48.8"	106°25'59.1"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5,8m (năm mét tám).

Lưu ý: Dải cạn kéo dài từ điểm T31 về phía T32, chiều dài khoảng 50m có độ sâu từ 4,3m đến 5,7m, khu vực lún rộng nhất vào vùng nước khoảng 15m.

Dải cạn kéo dài từ điểm T31 về phía T30, chiều dài khoảng 45m có độ sâu từ 4,4m đến 5,7m, khu vực lún rộng nhất vào vùng nước khoảng 10m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy hoạt động ra, vào vùng quay tàu, vùng đậu tàu, vùng nước trước các bến và vùng nước kênh tàu dịch vụ cảng Sơn Dương lưu ý độ sâu các dải cạn, điểm cạn đã được thông báo./

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
- Các Cảng vụ Hàng hải;
- Tổng công ty Bảo đảm An toàn hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc - Hoa tiêu VI;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (để thông báo trên đài chuyên hải);
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh;
- Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh;
- Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Giám đốc;
- Website Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh;
- Các Phòng;
- Lưu: VT, QLKCHT.